

Số: 169/TB-THPT.HV

Quảng Phú, ngày 20 tháng 9 năm 2021

## THÔNG BÁO

(V/v thu và nộp hồ sơ miễn, giảm tiền học phí; hỗ trợ chi phí học năm học 2021-2022 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021)

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy Ban Dân Tộc V/v phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 2095/UBND-KGVX ngày 29/4/2021 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đắk Nông V/v thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Trường THPT Hùng Vương thông báo mức thu học phí; đối tượng miễn, giảm học phí; đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập và nộp hồ sơ miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập năm học 2021 - 2022 như sau:

### **I. Học sinh thuộc diện được miễn, giảm học phí:**

#### **1. Học sinh được miễn tiền học phí:**

- Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng
- Học sinh khuyết tật
- Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 tại Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
- Học sinh phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
- Học sinh phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ





quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sỹ quan, binh sỹ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sỹ quan binh sỹ tại ngũ

- Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

### **2. Học sinh được miễn 70% tiền học phí:**

- Học sinh là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

### **3. Học sinh được miễn 50% tiền học phí:**

- Học sinh là con cán bộ, công nhân, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

- Học sinh phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

### **II. Học sinh thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập:**

- Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ

- Học sinh phổ thông bị khuyết tật

- Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

- Học sinh phổ thông ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Mức được hỗ trợ: 150.000 đ/tháng để mua sách, vở và đồ dùng học tập khác

- Thời gian được hưởng theo thời gian thực tế học và không quá 9 tháng/1 năm học và được chi trả 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4

### **III. Mức thu học phí:**

**1. Khu vực I:** Người học có hộ khẩu thường trú tại các phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã; các xã thuộc khu vực I theo quy định của Chính phủ, Ủy ban Dân tộc

Mức thu: 45.000 đ/tháng

**2. Khu vực II:** Người học có hộ khẩu thường trú tại các xã thuộc khu vực II theo quy định của Chính phủ, Ủy ban Dân tộc

Mức thu: 30.000 đ/tháng

**3. Khu vực III:** Người học có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn, bon, buôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Ủy ban Dân tộc

Mức thu: 25.000 đ/tháng

Trường hợp Chính phủ, Ủy ban Dân tộc thay đổi quy định công nhận các xã, thôn, bon, buôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì áp dụng theo quy định mới



4. Học phí được thu định kỳ hàng tháng, nếu học sinh tự nguyện thì có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Học phí được thu tối đa 9 tháng/năm. Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường), không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học

#### **IV. Hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:**

##### **1. Hồ sơ đề nghị cấp bù tiền miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập:**

- Đơn xin miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:

+ Đối với các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí giáo dục phổ thông:  
Mẫu đơn theo Phụ lục II

+ Đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập giáo dục phổ thông:  
Mẫu đơn theo Phụ lục III

+ Đối với các đối tượng vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập giáo dục phổ thông: Mẫu đơn theo Phụ lục IV

- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng

- Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện đối với đối tượng Học sinh khuyết tật

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện đối với đối tượng Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 tại Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

- Giấy xác nhận hộ nghèo do UBND cấp xã cấp cho đối tượng Học sinh phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí cho đối tượng Học sinh phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan binh sĩ tại ngũ

- Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc) cho đối tượng Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền; Học sinh là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền

- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức Bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng Học sinh là con cán bộ, công





nhân, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên

- Giấy xác nhận hộ cận nghèo do UBND cấp xã cấp cho đối tượng Học sinh phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

2. Học sinh phổ thông vừa thuộc diện miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập, chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ các giấy tờ có liên quan nói trên theo mẫu Phụ lục VI

3. Học sinh thuộc diện miễn, giảm và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả năm học. Riêng đối với học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo

#### **V. Tổ chức thực hiện:**

- Giáo viên chủ nhiệm nghiên cứu văn bản, triển khai đến học sinh, rà soát và lập danh sách học sinh (theo mẫu gửi kèm)

- Danh sách và hồ sơ nộp về Đ/c Hoàn theo thời gian sau:

+ Lập danh sách theo mẫu gửi trực tiếp về mail Đ/c Hoàn ([hoanhuy129@gmail.com](mailto:hoanhuy129@gmail.com)) hạn cuối ngày 20/9/2021 để tổng hợp báo cáo cho cấp trên theo quy định

+ Nộp danh sách bản gốc và hồ sơ học sinh về Đ/c Hoàn hạn cuối ngày 04/10/2021

Đề nghị giáo viên chủ nhiệm các lớp nghiêm túc thực hiện, mọi sự sai sót, chậm tiến độ làm ảnh hưởng đến công việc chung của nhà trường thì Giáo viên chủ nhiệm phải chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và phải chi trả chế độ cho học sinh.

\* Ghi chú: Có gửi kèm theo các văn bản liên quan trên Mail cá nhân.

#### Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng (để chỉ đạo)
- GVCN các lớp (để thực hiện)
- Lưu VT



**Trịnh Đức Tiên**